

Số: 231 /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 08 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Công trình: Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14 đoạn
Km817+00 -:- Km887+00 theo hình thức BOT**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính, quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 55/2016/TT-BTC ngày 23/3/2016 của Bộ Tài chính, quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 21/TTr-STC ngày 25 tháng 12 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

1. Công trình: Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14 đoạn Km817+00 -:- Km887+00 theo hình thức BOT.
2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền: UBND tỉnh Đắk Nông.
3. Nhà đầu tư tổ chức lập dự án: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- Đại diện Nhà đầu tư: Công ty Cổ phần BOT & BT Đức Long Đắk Nông.
4. Địa điểm xây dựng: Huyện Đắk Song, thị xã Gia Nghĩa và huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.
5. Thời gian thi công: Khởi công: 01/9/2010; Hoàn thành: 07/7/2017.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nguồn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
Tổng số	1.364.893.635.903	1.350.944.661.614	13.948.974.289
- Vốn vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	962.986.403.555	962.986.403.555	0
- Vốn Đầu tư phát triển của đơn vị	250.000.000.000	250.000.000.000	
- Vốn khác	151.907.232.348	137.958.258.059	13.948.974.289

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Tổng dự toán được duyệt	Chi phí đầu tư được quyết toán
Tổng số	1.391.062.000.000	1.364.893.635.903
- Chi phí xây dựng	1.130.654.055.237	1.110.629.911.340
- Chi phí thiết bị	34.714.460.500	34.714.460.500
- Chi phí quản lý dự án	20.583.066.000	19.936.715.378
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	37.938.792.000	33.766.890.093
- Chi phí khác	145.196.666.097	143.870.698.860
- Chi phí GPMB	21.974.959.732	21.974.959.732

Tổng chi phí đầu tư được quyết toán bằng chữ: Một nghìn ba trăm sáu mươi bốn tỷ, tám trăm chín mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi lăm ngàn, chín trăm lẻ ba đồng.

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số	1.364.893.635.903			
- Tài sản cố định	1.364.893.635.903			
- Tài sản lưu động	0			

Điều 3. Trách nhiệm của Nhà đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của Nhà đầu tư:

a) Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: Đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	1.364.893.635.903	
- Vốn vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	962.986.403.555	
- Vốn Đầu tư phát triển của đơn vị	250.000.000.000	
- Vốn khác	151.907.232.348	

b) Tình hình công nợ tính đến ngày 20/4/2017 (ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán):

+ Số phải trả: 31.237.448.320 đồng.
+ Số phải thu: 17.288.474.030 đồng.

(Có Phụ lục chi tiết đính kèm)

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan thẩm tra quyết toán về tính pháp lý của hồ sơ quyết toán và tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán; tính chính xác của khối lượng do Nhà đầu tư và nhà thầu, đơn vị tư vấn giám sát nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán; tính phù hợp của đơn giá do Nhà đầu tư và nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng và chất lượng công trình.

d) Trong thời hạn 06 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, Chủ đầu tư phải hoàn thành việc giải quyết công nợ và làm thủ tục tất toán tài khoản đầu tư của công trình tại cơ quan thanh toán vốn đầu tư.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định (đồng)	Tài sản lưu động (đồng)
Tổng số	1.364.893.635.903	
Công ty Cổ phần BOT&BT Đức Long Đắc Nông.	1.364.893.635.903	

3. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan:

a) Ban quản lý dự án, các đơn vị tư vấn giám sát, thi công: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng công trình, về khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán.

b) Tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm tra, thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, kết quả đấu thầu và người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư, dự toán, tổng dự toán: Chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của khối lượng, tính phù hợp của đơn giá trong hồ sơ báo cáo kết quả thẩm tra, thẩm định theo quy định của pháp luật.

c) Nhà thầu kiểm toán độc lập, kiểm toán viên chịu trách nhiệm về nội dung và tính đúng đắn của số liệu trong Báo cáo kết quả kiểm toán dự án hoàn thành trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp.

4. Sở Tài chính chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chủ tịch UBND huyện Đắk R'lấp; Chủ tịch UBND huyện Đắk Song; Chủ tịch UBND thị xã Gia Nghĩa; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai; Giám đốc Công ty Cổ phần BOT&BT Đức Long Đắk Nông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH, CN, KTKH.

10



CHỦ TỊCH

Nguyễn Bón

PHỤ LỤC
CHI TIẾT TÌNH HÌNH CÔNG NỢ

Công trình: Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14 đoạn Km817+00 -:- Km887+00 theo hình thức BOT
(Kèm theo Quyết định số: 231 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 2 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: Đồng

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị quyết toán	Số đã thanh toán	Công Nợ		Ghi chú
				Nợ phải trả	Số phải thu	
	Tổng số	1.364.893.635.903	1.350.944.661.614	31.237.448.320	17.288.474.030	
1	Chi phí xây dựng	1.110.629.911.340	1.119.298.654.103	2.745.560.003	11.414.302.766	
1	Chi phí xây dựng gói thầu số ĐN-01 (Km817-Km822)	90.893.160.324	92.111.656.801	0	1.218.496.477	
1.1	Công ty TNHH XD Trung Tiến	51.910.008.818	52.411.459.000		501.450.182	
1.2	Công ty CP công trình giao thông Đồng Nai	2.919.444.000	2.985.646.000		66.202.000	
1.3	Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	16.280.579.801	16.685.480.801		404.901.000	
1.4	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Kim Lan	15.259.248.358	15.338.911.000		79.662.642	
1.5	Công ty CP Hoá chất vật tư KHKT Thành Trung	1.880.368.000	1.880.368.000		0	
1.6	Công ty TNHH MTV Thịnh Thành Đắk Nông	2.643.511.348	2.809.792.000		166.280.652	
2	Chi phí xây dựng gói thầu số ĐN-02 (Km822-Km828)	93.421.301.424	94.098.522.390	0	677.220.966	
2.1	Công ty CP Thanh Hưng	85.291.468.048	85.768.083.627		476.615.579	
2.2	Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	8.046.343.376	8.246.948.763		200.605.387	
2.3	Công ty TNHH Thịnh Thành Đắk Nông	83.490.000	83.490.000		0	
3	Chi phí xây dựng gói thầu số ĐN-03 (Km828-Km834)	100.688.164.443	100.509.808.000	178.356.443	0	
3.1	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Kim Lan	99.420.254.443	99.241.898.000	178.356.443		
3.2	Công ty TNHH MTV Thịnh Thành Đắk Nông	1.267.910.000	1.267.910.000	0		
4	Chi phí xây dựng gói thầu số ĐN-04 (Km834-Km840)	106.358.746.872	107.065.020.812	0	706.273.939	
4.1	Công ty TNHH MTV XD công trình Tân Cảng	66.899.239.670	67.160.000.000		260.760.330	
4.2	Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	16.715.498.647	17.161.012.256		445.513.609	
4.3	Công ty CP Hoá chất vật tư KHKT Thành Trung	1.445.960.000	1.445.960.000		0	
4.4	Công ty TNHH MTV Thịnh Thành Đắk Nông	1.797.742.000	1.797.742.000		0	
4.5	Công ty TNHH Đầu tư XD Phước Hoàng Long	19.500.306.556	19.500.306.556		0	
5	Chi phí xây dựng gói thầu số ĐN-05 (Km849-Km855)	85.810.594.553	86.305.102.000	121.187.000	615.694.447	
5.1	Công ty CP công trình giao thông Đồng Nai	75.034.044.592	75.464.171.000		430.126.408	
5.2	Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	7.537.166.961	7.722.735.000		185.568.039	
5.3	Công ty CP Hoá chất vật tư KHKT Thành Trung	2.888.196.000	2.888.196.000		0	
5.4	Công ty TNHH XDCT Thủy bộ Kim Thành Phát	351.187.000	230.000.000	121.187.000		

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị quyết toán	Số đã thanh toán	Công nợ		Ghi chú
				Nợ phải trả	Số phải thu	
6	Chi phí xây dựng gói thầu số ĐN-06 (Km855-Km860,5)	93.729.267.819	93.799.921.000	0	70.653.181	
6.1	Công ty CP công trình giao thông Đồng Nai	91.692.044.819	91.762.698.000		70.653.181	
6.2	Công ty CP Hoá chất vật tư KHKT Thành Trung	2.037.223.000	2.037.223.000	0		
7	Chi phí xây dựng gói thầu số ĐN-07 (Km860,5-Km866,7)	122.166.742.309	123.323.366.284	333.664.456	1.490.288.431	
7.1	Công ty TNHH XD - SX - TM Lê Hoàn	43.415.641.771	44.294.203.000		878.561.229	
7.2	Công ty TNHH MTV Thịnh Thành Đắk Nông	36.265.298.797	36.877.026.000		611.727.203	
7.3	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Kim Lan	21.957.753.456	21.624.089.000	333.664.456		
7.4	Công ty CP Hoá chất vật tư KHKT Thành Trung	479.506.000	479.506.000		0	
7.5	Công ty CP Đức Phú	14.723.542.284	14.723.542.284		0	
7.6	Công ty CP Đức Minh Gia Lai	5.325.000.000	5.325.000.000		0	
8	Chi phí xây dựng gói thầu số ĐN-08 (Km872-Km877)	86.909.013.093	86.858.906.319	50.106.774	0	
8.1	Công ty CP XD công trình và khai thác đá 621	78.557.117.974	78.507.011.200	50.106.774		
8.2	Công ty CP Hoá chất vật tư KHKT Thành Trung	1.944.453.000	1.944.453.000	0	0	
8.3	Công ty CP Đức Phú	6.407.442.119	6.407.442.119	0	0	
9	Chi phí xây dựng gói thầu số ĐN-09 (Km877-Km882)	109.292.714.462	112.931.234.321	0	3.638.519.860	
9.1	Công ty CP XD và Thương mại Tuấn Thành	86.354.773.656	89.750.000.000		3.395.226.344	
9.2	Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	6.996.112.269	7.238.284.000		242.171.731	
9.3	Công ty CP Hoá chất vật tư KHKT Thành Trung	3.849.214.000	3.849.214.000		0	
9.4	Công ty TNHH MTV Khánh Vy Đắk Nông	2.933.103.216	2.934.225.000		1.121.784	
9.5	Công ty CP Đức Phú	9.159.511.321	9.159.511.321		0	
10	Chi phí xây dựng gói thầu số ĐN-10 (Km882-Km887,2)	120.162.606.437	121.520.693.176	289.851.329	1.647.938.068	
10.1	Gói thầu ĐN-10 (Km882-Km885)	65.164.034.505	64.874.183.176	289.851.329	0	
a	Liên danh Công ty CP XD CT&KT đá 621 - Công ty CP TKXD Minh Đức	51.969.635.229	51.679.783.900	289.851.329		
b	Công ty CP Hoá chất vật tư KHKT Thành Trung	1.362.013.000	1.362.013.000	0		
c	Công ty TNHH MTV Khánh Vy Đắk Nông	1.645.180.000	1.645.180.000	0		
d	Công ty TNHH MTV Thịnh Thành Đắk Nông	1.132.499.000	1.132.499.000	0		
e	Công ty CP Đức Phú	9.054.707.276	9.054.707.276	0	0	
10.2	Gói thầu ĐN-10A (Km885-Km887,2)	54.998.571.932	56.646.510.000	0	1.647.938.068	
a	Công ty CP công trình giao thông Đồng Nai	46.223.968.498	47.470.895.000		1.246.926.502	
b	Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	7.980.566.434	8.381.578.000		401.011.566	
c	Công ty CP Hoá chất vật tư KHKT Thành Trung	794.037.000	794.037.000		0	
11	Chi phí xây dựng trạm thu phí, nhà điều hành, phụ trợ	37.213.184.092	38.474.894.000	0	1.261.709.908	
11.1	Trạm 01 - Km818+600	17.964.315.808	18.484.894.000	0	520.578.192	
a	Công ty CP Som Việt Nhật Đà Nẵng	14.746.296.802	15.219.963.000		473.666.198	

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị quyết toán	Số đã thanh toán	Công nợ		Ghi chú
				Nợ phải trả	Số phải thu	
b	Công ty TNHH MTV Thịnh Thành Đák Nông	3.218.019.006	3.264.931.000		46.911.994	
11.2	Trạm 02 - Km886+400	19.248.868.284	19.990.000.000	0	741.131.716	
a	Công ty TNHH XDCT TB Kim Thành Phát	19.248.868.284	19.990.000.000		741.131.716	
12	Chi phí xây dựng gia cố lề mở rộng (Km860,5-Km866,6)	17.698.923.000	17.707.170.000	0	8.247.000	
13	Chi phí xây dựng HT ATGT, đèn, biển báo (Gia Nghĩa)	4.196.804.000	4.196.804.000	0		
14	Chi phí xây dựng HT ATGT, đèn, biển báo (Kiến Đức)	2.766.678.000	2.766.678.000	0		
15	Chi phí xây dựng Đường Quảng Tín đi xã Đăk Ngo	12.003.625.511	12.082.886.000		79.260.489	
16	Chi phí xây dựng Nút giao thông nối với Đường Lê Duẩn	170.991.000	170.991.000	0		
17	Chi phí xây dựng Thảm tăng cường Kiến Đức	27.147.394.000	25.375.000.000	1.772.394.000	0	
17.1	Thi công Thảm tăng cường Kiến Đức	25.588.871.000	23.930.000.000	1.658.871.000		
17.2	Thiết kế hệ thống ATGT và các hạng mục phụ trợ	1.558.523.000	1.445.000.000	113.523.000		
II	Chi phí thiết bị	34.714.460.500	34.714.460.500	0	0	
1	Thiết bị thu phí	17.000.000.000	17.000.000.000	0		
2	Thiết bị cân tải trọng xe	17.714.460.500	17.714.460.500	0		
III	Chi phí quản lý dự án	19.936.715.378	20.313.743.592		377.028.214	
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	33.766.890.093	36.384.316.000	1.428.346.000	4.045.771.907	
1	Chi phí khảo sát, lập DADT	1.800.000.000	1.800.000.000	0		
2	Chi phí khảo sát, lập TKBVTC-DT (quy mô 21,6m)	9.779.025.093	11.167.000.000	0	1.387.974.907	
3	Chi phí lập DADT (điều chỉnh)	400.000.000	400.000.000	0		
4	Chi phí khảo sát, lập TKBVTC-DT (quy mô 12m)	2.695.000.000	2.550.000.000	145.000.000		
5	Chi phí Thẩm tra TKBVTC-DT	1.190.491.000	1.190.491.000		0	
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	6.625.415.000	6.086.287.000	539.128.000	0	
6.1	Công ty TNHH tư vấn xây dựng Đại Nguyên	100.000.000	100.000.000	0		
6.2	Công ty TNHH tư vấn xây dựng Miền Đông	2.961.848.000	2.961.848.000	0		
6.3	Cty CP Tư vấn và XD ECC	1.274.439.000	1.274.439.000	0		
6.4	Cty CP TVTK XD GT Công chính Đà Nẵng	2.289.128.000	1.750.000.000	539.128.000		
7	Chi phí đánh giá tác động môi trường	300.000.000	300.000.000	0		
8	Chi phí thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình	6.279.815.000	7.886.194.000	260.000.000	1.866.379.000	
8.1	Chi phí thí nghiệm chất lượng công trình	0	1.866.379.000	0	1.866.379.000	
a	Cty TNHH MTV TVĐT XD Minh Thông	0	782.069.000		782.069.000	
b	Cty CP XD KHCN VINATEST	0	416.847.000		416.847.000	
c	Cty TNHH Kiểm định XD Vạn Tín	0	667.463.000		667.463.000	
8.2	Chi phí kiểm định chất lượng công trình	6.279.815.000	6.019.815.000	260.000.000	0	
a	Cty Tư vấn XD giao thông Gia Lai	560.000.000	300.000.000	260.000.000		
b	Cty CP TV Kiểm định KHCN XD Miền Nam	3.456.494.000	3.456.494.000	0	0	

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị quyết toán	Số đã thanh toán	Công nợ		Ghi chú
				Nợ phải trả	Số phải thu	
c	Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Nông	2.263.321.000	2.263.321.000	0	0	
c.1	Cty CP Đầu tư XD Đường Việt	941.255.000	941.255.000	0	0	
c.2	Phân viện KH & CN GTVT Miền Trung	1.322.066.000	1.322.066.000	0	0	
9	Chi phí tư vấn thẩm tra TKBVTC-DT trạm thu phí	29.510.000	29.510.000	0	0	771.610.000
10	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng nhà điều hành	897.710.000	1.669.320.000	0	0	771.610.000
10.1	Công ty TNHH Tư vấn và ĐTXD Hiệp Thành (Tư vấn KS, thiết kế BVTC-DT)	828.390.000	1.600.000.000			0
10.2	Công ty TNHH Tư vấn thiết kế XD Đắk Nguyên (Tư vấn thẩm tra TKBVTC-DT)	69.320.000	69.320.000			0
11	Chi phí tư vấn khảo sát thiết kế bổ sung hệ thống nước, lẻ gia cố	1.033.582.000	1.050.000.000	0	0	16.418.000
12	Chi phí tư vấn hệ thống ATGT, đèn, biển báo (qua Gia Nghĩa)	173.283.560	173.283.560	0	0	0
12.1	Chi phí tư vấn khảo sát, thiết kế BVTC-DT	66.669.000	66.669.000			0
12.2	Chi phí tư vấn giám sát	106.614.560	106.614.560			0
13	Chi phí tư vấn hệ thống ATGT, đèn, biển báo (qua Kiến Đức)	126.874.996	126.874.996	0	0	0
13.1	Chi phí tư vấn khảo sát, thiết kế BVTC-DT	56.591.000	56.591.000			0
13.2	Chi phí tư vấn giám sát	70.283.996	70.283.996			0
14	Chi phí Khảo sát, TKBVTC-DT Đường Quảng Tín đi Đắk Ngo	733.542.615	736.932.615	0	0	3.390.000
14.1	Chi phí tư vấn khảo sát, thiết kế BVTC-DT	429.982.000	429.982.000			0
14.2	Chi phí tư vấn giám sát	303.560.615	306.950.615			3.390.000
15	Chi phí tư vấn giám sát Nút giao thông nối với Đường Lê Duẩn	1.449.580.000	1.214.079.000	235.501.000	0	0
16	Chi phí Khảo sát, TKBVTC-DT Thăm tăng cường cường Kiến Đức	860.501.000	625.000.000	235.501.000	0	0
16.1	Chi phí tư vấn khảo sát, thiết kế BVTC-DT	589.079.000	589.079.000			0
16.2	Chi phí tư vấn giám sát	248.717.000	248.717.000			0
17	Chi phí tư vấn kiểm định thăm tăng cường mặt đường BTN Kiến Đức	143.870.698.860	120.444.688.004	24.877.382.000	1.451.371.144	0
V	Chi phí khác	2.541.868.239	2.541.868.239	0	0	0
1	Chi phí bảo hiểm công trình nền, mặt đường	8.303.339.286	8.855.357.286	0	0	552.018.000
2	Chi phí đảm bảo giao thông	4.532.129.000	4.734.207.000	0	0	202.078.000
2.1	Công ty TNHH MTV Đức Long Đắk Nông	1.495.898.000	1.580.732.000			84.834.000
2.2	DNTN Dương Ánh	932.509.000	1.095.374.000			162.865.000
2.3	Công ty TNHH TV ĐT & XD - TM Tân Viết Phong	880.588.000	982.829.000			102.241.000
2.4	Công ty TNHH XD - TM Đông Bình	66.934.286	66.934.286			0
2.5	Công ty TNHH MTV Thịnh Thành Đắk Nông	220.000.000	220.000.000			0
2.6	Công ty TNHH Phú Nghĩa (Khảo sát, lập BCKTKT)	8.348.000	8.348.000			0
2.7	Công ty TNHH tư vấn XD Trí Việt (thẩm tra TKBVTC-DT)	27.750.000	27.750.000			0
2.8	Công ty TNHH MTV Quốc Cường (Biên báo)					

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị quyết toán	Số đã thanh toán	Công nợ		Ghi chú
				Nợ phải trả	Số phải thu	
2.9	Công ty CP Hoá chất, vật tư KHKT Thành Trung (sơn gờ giảm tốc và biển báo Trạm thu phí)	139.183.000	139.183.000		0	
3	Chi phí rà phá bom mìn	3.288.044.943	3.610.934.000			
4	Chi phí kiểm toán	817.713.000	790.000.000	27.713.000	322.889.057	
5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	1.022.430.000	0	1.022.430.000	0	
6	Chi phí khác Trạm thu phí	90.330.382	90.330.382	0	0	
6.1	Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất	13.040.214	13.040.214		0	
6.2	Biển báo các loại	9.200.000	9.200.000		0	
a	Công ty TNHH MTV Quốc Cường	5.200.000	5.200.000		0	
b	Công ty TNHH MTV Quốc Cường	4.000.000	4.000.000		0	
6.3	Trạm Đắk Song (Thuế thuê đất)	4.599.650	4.599.650		0	
6.4	Trạm Cai Chanh (Thuế thuê đất)	9.406.096	9.406.096		0	
6.5	Chi phí lắp đặt chạy thử (Trạm Đắk Song)	13.792.650	13.792.650		0	
6.6	Chi phí lắp đặt chạy thử (Trạm Cai Chanh)	40.291.772	40.291.772		0	
7	Chi phí xác định giá đất phục vụ công tác GPMB	18.762.000	18.762.000	0	0	
8	Chi phí lãi vay thời gian thi công	103.960.972.010	104.537.436.097		576.464.087	
9	Chi phí hoàn trả sửa chữa, bảo trì Quốc lộ 14 cho Quỹ bảo trì đường bộ Trung ương	23.827.239.000	0	23.827.239.000		
VI	Chi phí GPMB	21.974.959.732	19.788.799.415	2.186.160.317	0	
1	Trung tâm PTQĐ huyện Đắk Song	2.810.564.985	2.810.564.985	0		
2	Trung tâm PTQĐ thị xã Gia Nghĩa	1.010.356.579	1.010.356.579	0		
3	Trung tâm PTQĐ huyện Đắk R'Lấp	15.675.809.861	15.675.809.861	0		
4	Hộ ông Trần Văn Khoái (Đắk R'Lấp)	100.000.000	100.000.000	0		
5	Chi phí đo đạc, cắm mốc GPMB (TT Đo đạc và Tư vấn TNMT)	192.067.990	192.067.990	0		
6	Chi phí đo đạc, cắm mốc GPMB (Sở TN&MT tỉnh Đắk Nông)	2.186.160.317	0	2.186.160.317		